

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục trung học cơ sở tại vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2010 - 2018

Thực hiện Công văn số 797/HĐDT14, ngày 19/02/2019 của Hội đồng Dân tộc Quốc hội về việc báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục trung học cơ sở tại vùng đồng bào DTTS, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

#### I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, CÔNG TÁC GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI

##### 1. Khái quát về tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh

Bắc Giang là tỉnh miền núi, nằm ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 50km, phía Bắc tiếp giáp Lạng Sơn, Quảng Ninh, phía Tây giáp Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, phía Nam giáp Hải Dương. Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 3.816,7km<sup>2</sup>; địa hình đồi núi xen lẫn đồng bằng, trong đó vùng trung du, đồng bằng chiếm 27,2% tổng diện tích, vùng miền núi chiếm 72,8% tổng diện tích toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 09 huyện, 01 thành phố, trong đó có 06 huyện miền núi, 1 huyện vùng cao; tổng số xã, phường, thị trấn là 230.

Dân số tỉnh Bắc Giang là 1.653.397 người, trong đó dân số dân tộc thiểu số 245.188 người, chiếm 14,8% dân số của toàn tỉnh. Có 21 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, trong đó có 20 dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, chỉ có 7 dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời, có số dân trên 1.000 người là Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Cao Lan, Sán Chí, Dao; những dân tộc khác mới đến định cư những năm gần đây.

Bắc Giang có 01 huyện nghèo (Sơn Động); số xã khu vực II vùng dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS, MN) là 90, chiếm 39,1% tổng số xã, phường, thị trấn; số xã đặc biệt khó khăn là 40, chiếm 17,4% tổng số xã, phường, thị trấn; số thôn, bản đặc biệt khó khăn là 408, chiếm 16,4% tổng số thôn, bản. Số hộ nghèo là 42.734, chiếm 9,53%; tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS, MN cao gấp 2 lần mức bình quân trung của tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo người DTTS cao gấp 3,75 lần bình quân chung toàn tỉnh.

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội Bắc Giang đã có những thay đổi toàn diện theo hướng tích cực. Năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 16,0%, thuộc nhóm các tỉnh có mức tăng cao nhất cả nước. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao nhất từ trước đến nay, đạt 6,5%, công nghiệp - xây dựng tăng 24,4% (công nghiệp tăng 27,8%, xây dựng tăng 7,9%), dịch vụ tăng 6,5%, thuế sản phẩm tăng 7,7%. Quy mô kinh tế của tỉnh (GRDP theo giá hiện hành) đạt 88.260 tỷ đồng, tương đương khoảng 4 tỷ USD. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực. GRDP bình quân đầu người được rút ngắn đáng kể so với bình quân cả nước, đạt 2.275 USD. Đời sống nhân dân tiếp tục được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo vượt kế hoạch đề ra, còn 7,29%. Đã

tuyển sinh và đào tạo nghề cho 45.805 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,1%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 42,6%. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; có 29.610 lao động được tạo việc làm mới, vượt 0,7% kế hoạch. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em; bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống tệ nạn xã hội được tăng cường...

## **2. Khái quát thực trạng công tác giáo dục cấp trung học cơ sở (THCS) vùng DTTS, MN**

### **2.1. Quy mô trường lớp**

- Hệ thống mạng lưới trường, lớp được phân bố hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của học sinh (HS) ở địa phương, mỗi xã có ít nhất 01 trường THCS<sup>1</sup>.

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh, gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các trường đạt chuẩn quốc gia xây dựng kế hoạch, báo cáo với chính quyền địa phương tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, củng cố vững chắc các tiêu chuẩn đã đạt được, tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở vật chất cũng như chất lượng giáo dục của các nhà trường<sup>2</sup>.

### **2.2. Cơ sở vật chất**

- Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, giao quyền tự chủ về tài chính, tài sản theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; giao dự toán chi ngân sách đối với các trường ngay từ đầu năm ngân sách, giao đủ 100% kế hoạch của tỉnh để các đơn vị tự chủ; lồng ghép kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ cho phổ cập giáo dục trung học... Vì vậy, cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học cơ bản đáp ứng việc tổ chức các hoạt động giáo dục của các nhà trường.

- Quy hoạch mạng lưới giáo dục phổ thông phát triển hợp lý, trên 80% HS tốt nghiệp THCS được tuyển sinh vào THPT.

### **2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) và HS**

- Đội ngũ CBQL, GV được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, cơ bản đảm bảo tỷ lệ theo qui định ở các cấp học. Tổng số CBQL và GV cấp THCS là 7776, trong đó có 534 CBQL. Hầu hết CBQL, GV đều có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng được các yêu cầu của sự nghiệp GD&ĐT trong điều kiện mới. Trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của CBQL, GV ở các cấp, bậc học đạt tỷ lệ cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học<sup>3</sup>. HS về cơ bản đều chăm ngoan, hiếu học, có ý thức phấn đấu vươn lên. Chất lượng giáo dục đại trà được giữ vững, chất lượng mũi nhọn có nhiều chuyển biến tích cực.

<sup>1</sup>Năm học 2017-2018, toàn tỉnh có 241 trường THCS với tổng số 95.485 HS, trong đó có 5 trường PTDTNT; 4 trường PTDTBT.

<sup>2</sup>Năm học 2017-2018, toàn tỉnh có 220 trường trung học đạt chuẩn quốc gia (tăng 05 trường so với năm học trước), trong đó, cấp THCS có 189 trường, đạt tỷ lệ 78,42 % (tăng 04 trường so với năm học trước).

<sup>3</sup>Tính đến năm học 2017-2018, 100% CBQL có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn 99,85% GV THCS có trình độ cao đẳng trở lên.

### **3. Khái quát về giáo dục nghề nghiệp của địa phương**

Toàn tỉnh có 52 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 02 trường cao đẳng, 09 trường trung cấp; tổng số ngành nghề được cấp phép đào tạo lớn hơn 80; quy mô đào tạo hàng năm trên 41.200 người, trong đó trình độ cao đẳng là 1.300 người, trình độ trung cấp gần 4.300 người, trình độ sơ cấp trên 35.700 người.

## **II. CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN LUỒNG GIÁO DỤC SAU GIÁO DỤC THCS TẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS, MN**

### **1. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến phân luồng sau giáo dục THCS vùng DTTS, MN**

- Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng HS sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn.

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/12/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*".

- Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*".

### **2. Hệ thống chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục THCS vùng DTTS, MN thể hiện trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thuộc vùng DTTS, MN giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thuộc vùng DTTS, MN giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "*Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*".

- Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án "*Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*".

- Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "*Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020*".

### **3. Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ GD&ĐT và các Bộ ngành liên quan**

Hàng năm, Bộ GD&ĐT đều có hướng dẫn thực hiện công tác phân luồng HS sau THCS trong văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học.

#### **4. Chính sách do địa phương ban hành**

Công tác phân luồng HS luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Giang trong các Chỉ thị về triển khai nhiệm vụ chủ yếu của các năm học và được cụ thể hóa qua văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT.

### **III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG SAU GIÁO DỤC THCS VÙNG DTTS, MN GIAI ĐOẠN 2010 - 2018**

#### **1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách ở tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Bắc Giang đã chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác phân luồng HS sau THCS, cụ thể:

- Triển khai các công văn chỉ đạo tới các Phòng GD&ĐT, các nhà trường trong toàn tỉnh và yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc<sup>4</sup>.

- Chỉ đạo các đơn vị căn cứ kết quả năm học trước, chỉ tiêu giao và các điều kiện thực tiễn của đơn vị, tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức thống nhất chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch chi tiết cho năm học, triển khai tới 100% cán bộ, GV, nhân viên trong nhà trường.

- Tổ chức các cuộc họp đầu năm, cuối học kỳ và cuối mỗi năm học với thành phần là CBQL các nhà trường nhằm kịp thời chuẩn chỉnh hoạt động của các đơn vị, đặc biệt là công tác phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS, công tác dạy nghề và hướng nghiệp, công tác dạy và học tự chọn, ôn thi vào THPT; lắng nghe ý kiến, thông tin phản ánh từ phía HS và phụ huynh về chất lượng giảng dạy của các nhà trường để kịp thời rút kinh nghiệm, có định hướng chỉ đạo phù hợp.

- Thường xuyên rà soát việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trong từng giai đoạn, tăng cường công tác kiểm tra hoạt động của các đơn vị để nắm tình hình và điều chỉnh kịp thời.

#### **2. Thực trạng và nhu cầu, xu hướng nghề nghiệp của HS THCS vùng DTTS, MN**

Đa số HS tham gia học tiếp tại các trường THPT, PTDTNT và các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (TTGDNN-GDTX), tỉ lệ HS vào học các trường trung cấp chuyên nghiệp cơ sở giáo dục nghề nghiệp và nghỉ học rất thấp<sup>5</sup>.

#### **3. Thực trạng công tác giáo dục hướng nghiệp cho HS THCS vùng DTTS, MN**

---

<sup>4</sup>Công văn số 757/SGD&ĐT-GDTrH ngày 30/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018; Công văn số 783/SGD&ĐT, ngày 6/9/2017 của SGD&ĐT Bắc Giang về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục; Công văn số 277/SGDĐT-KTKĐCLGD ngày 09/4/2018 của Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Giang về việc hướng dẫn các kỳ xét và thi tuyển sinh năm học 2017-2018...

<sup>5</sup>Năm 2018, tỉ lệ HS học tiếp tại các trường THPT, PTDTNT và TT GDNN-GDTX đạt 80,83%; số HS vào học các trường trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 14,36%; HS luồng khác đạt 5,90%.

Công tác giáo dục hướng nghiệp cho HS THCS vùng DTTS, MN đã được tổ chức, thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế tại các cơ sở giáo dục, đáp ứng được nhu cầu của HS, cụ thể:

- Các trường THCS đều thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên, có hiệu quả tổ tư vấn hướng nghiệp. Tích hợp giáo dục nghề nghiệp trong các môn học chính khóa như: Công nghệ, Giáo dục công dân, Địa lý, Sinh học,...

- Duy trì việc dạy nghề phổ thông cho HS tại các trường THCS đủ điều kiện về GV, cơ sở vật chất; phối hợp với các TTGDNN-GDTX thực hiện dạy nghề phổ thông ở các trường chưa đảm bảo điều kiện dạy nghề. Sở GD&ĐT thường xuyên tiến hành kiểm tra, hướng dẫn việc soạn thảo nội dung, chương trình, thực hiện giảng dạy, thi và cấp chứng chỉ nghề phổ thông.

- Công tác giáo dục hướng nghiệp còn được các nhà trường thực hiện trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, chào cờ, ngoại khóa; các buổi nói chuyện của các chuyên gia tư vấn, các nhà khoa học...

Tuy nhiên, công tác giáo dục hướng nghiệp tại Bắc Giang còn gặp phải những khó khăn như: thông tin về nhu cầu lao động của các ngành kinh tế, nội dung, chương trình, GV giảng dạy đối với các ngành nghề mới,...

#### **4. Thực trạng công tác phân luồng HS sau THCS vùng DTTS, MN**

##### **4.1. Những thuận lợi, khó khăn**

###### *4.1.1. Thuận lợi*

- Hệ thống các văn bản chỉ đạo về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS đã được Đảng, Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành và triển khai đầy đủ, có hiệu quả.

- Các cơ sở giáo dục nhận thức được sự cần thiết và thực hiện nghiêm túc công tác phân luồng HS sau THCS.

- Công tác tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS sau THCS được thực hiện tốt; HS và phụ huynh HS có nhận thức rõ, đúng đắn hơn về khả năng của bản thân, nhu cầu của xã hội, hoàn cảnh của gia đình... để có hướng đi phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS.

- Cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục được đảm bảo tốt hơn; đội ngũ CBQL, GV thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng tốt hơn công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS.

###### *4.1.2. Khó khăn*

- Nhận thức của một bộ phận CBQL, GV và phụ huynh HS đối với công tác phân luồng HS sau THCS chưa đầy đủ; tâm lý trọng bằng cấp của người dân và nhà tuyển dụng lao động... dẫn tới phần lớn HS hướng tới việc tiếp tục học THPT và vào các trường Đại học, Cao đẳng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu tham khảo và đội ngũ GV phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS ở một số trường THCS chưa đảm bảo. Quy mô và điều kiện của các cơ sở dạy nghề và TCCN chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phân luồng HS; chương trình đào tạo trong các trường TCCN và khả năng liên thông từ TCCN lên cao đẳng và đại học còn hạn chế.

## **4.2. Các giải pháp đã thực hiện phân luồng sau THCS vùng DTTS, MN**

### **4.2.1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về phân luồng HS sau THCS.**

- Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, nhân viên và phụ huynh HS về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ... về phân luồng HS sau THCS.

- Chỉ đạo các trường THCS tổ chức tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng cho HS thông qua các hoạt động trên lớp, ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo; tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp với các nhà tuyển dụng lao động, các nhà khoa học hoặc chuyên gia tư vấn nghề nghiệp...

### **4.2.2. Chỉ đạo nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS.**

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện dạy học phân hóa, đánh giá đúng năng lực của HS, từ đó có cơ sở để tư vấn phân luồng HS hiệu quả.

- Hàng năm chỉ đạo nghiêm túc các đơn vị tổ chức dạy nghề phổ thông và hướng nghiệp cho HS khối 9 theo đúng quy định, hướng dẫn các nhà trường thành lập các tổ tư vấn hướng nghiệp, phân luồng HS.

- Chỉ đạo các đơn vị tích cực tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm sáng tạo, trong quá trình thực hiện luôn lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp với nhiều hình thức tổ chức sinh động để giúp HS có nhận thức đúng đắn về giáo dục hướng nghiệp.

- Chỉ đạo các đơn vị phối kết hợp với các tổ chức xã hội, các công ty, nhà máy, các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề, TT GDNN - GDTX, các trường tư thục thực hiện phân luồng HS thông qua các chương trình tư vấn hướng nghiệp trực tiếp, qua truyền thanh, hoặc qua các cuộc họp phụ huynh (căn cứ kết quả học tập, các đợt khảo sát của đơn vị) để giúp HS và phụ huynh nắm được xu thế phát triển, góp phần định hướng cho việc chọn nghề phù hợp của HS.

- Chỉ đạo và tư vấn các đơn vị xây dựng chương trình phù hợp với yêu cầu, đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện dạy học của nhà trường; một số đơn vị đã thực hiện tốt việc dạy nghề truyền thống gắn với các điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Tiêu biểu, phòng GD&ĐT các huyện Yên Thế, Lục Ngạn đã chỉ đạo các trường THCS dạy nghề làm vườn, phòng GD&ĐT Việt Yên, TP Bắc Giang chỉ đạo một số trường dạy nghề thủ công mây tre đan, nghề làm bánh đa, bánh đa nem, mỳ gạo,... gắn với mô hình kinh tế vườn đồi của địa phương.

- Chỉ đạo các đơn vị làm tốt công tác cập nhật thông tin nghề nghiệp, những tác động môi trường, kinh tế, thời cuộc, gắn với công tác hướng nghiệp, phân luồng cho HS.

### **4.2.3. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL, GV thực hiện công tác phân luồng sau giáo dục THCS**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để làm tốt việc bồi dưỡng thường xuyên CBQL, GV theo các thông tư đã được ban hành. Kết quả cụ thể như sau:

Bồi dưỡng theo chuyên đề cho 100% CBQL các trường THCS, PTCS và trường có nhiều cấp học trong tỉnh với số lượng 239 học viên của 10 phòng GD&ĐT các huyện, thành phố.

- Thực hiện nghiêm túc các đợt tập huấn cho GV dạy nghề phổ thông các phân môn: Làm vườn (đối với GV Sinh học), Tin học (đối với GV dạy Tin học), Điện dân dụng (đối với GV dạy KTCN) và môn Họa (đối với GV Mỹ thuật).

*4.2.4. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS*

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vật chất, kiên cố hoá phòng học và xây dựng trường chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu dạy học phân hóa, phù hợp với trình độ và phát huy năng lực của HS. Về cơ bản, các nhà trường đã có đủ các điều kiện dạy nghề phổ thông và làm công tác hướng nghiệp, phân luồng.

*4.2.5. Công tác huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS*

Chỉ đạo các đơn vị tích cực và sáng tạo trong công tác huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS. Nhiều trường THCS, đặc biệt là các nhà trường gần các khu công nghiệp, các xã có làng nghề truyền thống đã làm tốt công tác phối hợp trong việc tư vấn nghề nghiệp, tranh thủ tốt các nguồn lực, nhân lực, các thế mạnh của ngành nghề địa phương (mời các nghệ nhân, người lao động giỏi tham gia diễn giảng tại các buổi tự chọn nghề, thực hành nghề truyền thống của địa phương...).

*4.2.6. Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện phân luồng HS sau giáo dục THCS*

Thực hiện nghiêm túc quy định về việc triển khai và kiểm tra công tác dạy nghề, dạy hướng nghiệp và công tác phân luồng cho HS. Nghiêm cấm các nhà trường làm sai ý nghĩa của việc phân luồng.

### **5. Kết quả thực hiện phân luồng HS sau giáo dục THCS**

- Tỷ lệ trường THCS vùng DTTS, MN có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương đạt 25%.

- Tỷ lệ trường THCS vùng DTTS, MN có GV kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đạt 92%.

- Kết quả cụ thể (thống kê theo phụ lục 1 và phụ lục 2).

## **III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÂN LUỒNG SAU THCS VÙNG DTTS, MN GIAI ĐOẠN TIẾP THEO**

### **1. Mục tiêu**

#### ***1.1. Mục tiêu chung***

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các Chỉ thị của Đảng, Quyết định của Chính phủ về công tác phân luồng HS trong giáo dục THCS, đặc biệt là Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*”.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Nâng cao tỉ lệ trường THCS ở vùng DTTS, MN có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa phương; tỉ lệ GV kiêm nhiệm tư vấn nghề nghiệp có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu.

- Nâng cao tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS vùng DTTS, MN tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

- Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV về công tác hướng nghiệp, phân luồng sau tốt nghiệp THCS; làm tốt công tác nâng cao chất lượng giảng dạy trong các trường THCS tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục hướng nghiệp nói riêng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đất nước và nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho HS bằng nhiều biện pháp, hình thức khác nhau; đẩy mạnh công tác dạy nghề phổ thông gắn với việc dạy nghề truyền thống tại địa phương; huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS.

## **2. Một số nhiệm vụ và giải pháp**

### **2.1. Nâng cao nhận thức đối với công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS**

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS cho CBQL, GV, nhân viên, HS và phụ huynh HS.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS THCS như: Ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giao lưu với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân...

### **2.2. Về nội dung, phương pháp, hình thức hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS**

- Tiếp tục mở rộng mô hình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của địa phương nhằm tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển năng lực và phẩm chất HS, góp phần thực hiện phân luồng HS sau THCS.

- Đối với chương trình dạy nghề phổ thông: Chỉ đạo các đơn vị rà soát, lựa chọn và bổ sung các chương trình dạy nghề phù hợp với yêu cầu, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện dạy học của nhà trường; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ GV để nâng cao chất lượng giáo dục nghề phổ thông tại các trường; các đơn vị không có đủ điều kiện, liên hệ với TT GDNN-GDTX để thực hiện dạy nghề phổ thông cho HS.

- Tổ chức dạy học hướng nghiệp nghiêm túc, đúng quy định về thời lượng và thời gian phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị.

- Duy trì và đa dạng hóa các phương pháp, hình thức hướng nghiệp, phân luồng HS. Kịp thời cập nhật thông tin nghề nghiệp, tình hình kinh tế-xã hội... để tư vấn phân luồng đạt hiệu quả.



### ***2.3. Về xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS***

Tiếp tục làm tốt công tác lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ GV làm công tác tư vấn hướng nghiệp và phân luồng (đảm bảo có năng lực, phẩm chất và hiểu biết tình hình chung của địa phương, đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực việc làm).

### ***2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS***

- Tiếp tục thực hiện tốt việc đổi mới cơ chế tài chính giáo dục; đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; đầu tư sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học cho các phòng chức năng, phòng thực hành; mở rộng sân chơi, bãi tập, vườn trường...; tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất đối với các nhà trường.

- Hỗ trợ các TTGDNN-GDTX tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề.

### ***2.5. Về huy động nguồn lực xã hội tham gia phân luồng HS sau giáo dục THCS vùng DTTS, MN***

- Tăng cường chỉ đạo các đơn vị chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội trong và ngoài tỉnh cùng tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục nghề nghiệp và phân luồng HS sau tốt nghiệp phổ thông.

- Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục phối kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp, các TT GDNN-GDTX, các trường trung cấp khác có chức năng tuyển sinh về trao đổi, nói chuyện, tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác phân luồng sau tốt nghiệp để HS và PHHS được tiếp cận, có nhận thức đúng về công tác phân luồng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS.

### ***2.6. Về công tác quản lý đối với hướng nghiệp và phân luồng HS sau giáo dục THCS***

- Tuyên truyền, định hướng cho CBQL, GV, NV, HS và PHHS có nhận thức đúng đắn về hướng nghiệp và phân luồng.

- Tăng cường tổ chức tập huấn cho CBQL, GV, NV kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS.

- Phân công đúng người, đúng việc cho CBQL và GV làm công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tư vấn, giám sát việc thực hiện giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THCS.

## **IV. Đề xuất, kiến nghị**

### ***1. Đối với Quốc hội:*** Không

## **2. Đối với Chính phủ**

- Trên cơ sở Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cấp nguồn kinh phí để các địa phương triển khai có hiệu quả công tác hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ cho HS sau tốt nghiệp THCS vừa học văn hóa, vừa học nghề tại các TT GDNN-GDTX và các trường dạy nghề.

## **3. Đối với Bộ GD&ĐT**

- Ban hành các văn bản cụ thể hóa các nội dung của Đề án theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn các Sở GD&ĐT triển khai thực hiện nội dung của Đề án phù hợp với thực tế của địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về công tác hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS.

- Chú trọng xây dựng tài liệu về giáo dục hướng nghiệp; thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV thực hiện công tác hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS.

Trên đây là kết quả thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến công tác phân luồng sau giáo dục THCS ở các vùng đồng bào DTTS, MN của tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội./.

Nơi nhận:

- HĐDT của Quốc hội;
- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lê Anh Dương;
- VP UBND tỉnh: CVP, TKCT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH

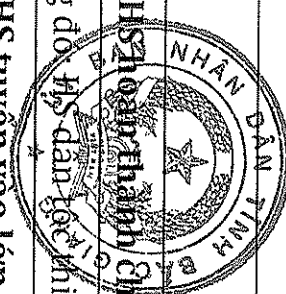


Lê Anh Dương

**PHỤ LỤC 1**

**KẾT QUẢ PHÂN LŨNG SAU GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG DTTS, MN GIAI ĐOẠN 2010 - 2018**

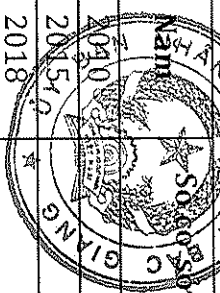
(Kèm theo Báo cáo số 22 /BC-UBND ngày 19 /3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang)



	2010		2015		2018	
	SL	%	SL	%	SL	%
<b>1. Số HS dân tộc thiểu số trong trình THCS</b>	19321	92,14	17452	93,52	17517	94,01
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	3882	51,77	3703	55,90	3752	55,36
<b>2. Số HS tuyển vào lớp 10 (kể cả THPT và TTGDTX)</b>	15190	75,08	14350	77,47	14762	80,83
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	2756	46,91	2934	54,77	2955	43,89
<b>3. Số HS vào TCCN và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>	2024	15,18	1844	14,04	1810	14,36
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	328	8,49	348	12,92	371	13,25
<b>4. Luồng khác</b>	1528	12,15	914	7,82	657	5,90
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	318	5,88	252	5,16	201	5,91

**PHỤ LỤC 2**

**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LƯỢNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
(Kèm theo Báo cáo số 12 /BC-UBND ngày 19 /3/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang)



Năm	Số GD&ĐT tham gia công tác GDHN	Số CBQL, GV thực hiện công tác GDHN	Số CBQL, GV được đào tạo, tập huấn về công tác GDHN
2010	162	625	301
2015	164	656	312
2018	163	663	320